

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của -Phường Mai -Đống Đa-Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	1.291.843.817.925	1.366.015.856.357
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	278.670.806.878	478.493.214.743
1. Tiền	111	263.170.806.878	359.193.214.743
2. Các khoản tương đương tiền	112	15.500.000.000	119.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2.027.221.918	60.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	2.027.221.918	60.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	445.695.142.290	378.523.100.222
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	274.025.451.510	221.735.490.360
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	52.899.443.034	37.320.500.215
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	100.000.000.000	100.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	20.513.825.774	21.243.624.313
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(1.743.578.028)	(1.776.514.666)
IV. Hàng tồn kho	140	553.662.512.419	438.153.645.141
1. Hàng tồn kho	141	561.973.732.061	445.995.047.831
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(8.311.219.642)	(7.841.402.690)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	11.788.134.420	10.845.896.251
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	2.634.386.996	5.824.558.856
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	7.029.496.561	2.456.787.710
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	2.124.250.863	2.564.549.685
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200	862.139.348.943	855.149.036.315
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	817.288.150	
1. Phải thu dài hạn khác	216	2.114.960.000	
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	(1.297.671.850)	
II. Tài sản cố định	220	767.788.543.772	742.942.954.919
1. TSCĐ hữu hình	221	546.870.342.573	523.176.916.064
- Nguyên giá	222	997.780.553.784	923.514.523.187
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(450.910.211.211)	(400.337.607.123)
2. TSCĐ vô hình	227	220.918.201.199	219.766.038.855
- Nguyên giá	228	270.614.585.343	264.407.935.393
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(49.696.384.144)	(44.641.896.538)
III. Bất động sản đầu tư	230	10.832.299.274	10.584.021.116
- Nguyên giá	231	14.808.361.147	13.350.617.119
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232	(3.976.061.873)	(2.766.596.003)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	10.580.075.582	7.733.246.245
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10.580.075.582	7.733.246.245
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	26.061.735.380	26.061.735.380
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	26.061.735.380	26.061.735.380
VI. Tài sản dài hạn khác	260	46.059.406.785	67.827.078.655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	29.267.126.850	31.000.731.051
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	10.158.099.977	6.942.494.762
4. Tài sản dài hạn khác	268	824.714.000	786.116.230
5. Lợi thế thương mại	269	5.809.465.958	29.097.736.612
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	2.153.983.166.868	2.221.164.892.672

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chi tiêu	Mã số	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	633.338.272.439	775.029.726.630
I. Nợ ngắn hạn	310	600.703.578.021	742.914.024.178
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	121.338.285.806	128.719.616.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19.656.585.328	15.093.199.607
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21.621.037.105	23.620.530.853
4. Phải trả người lao động	314	28.814.530.264	21.637.130.952
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14.637.945.284	20.144.933.061
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	320.192.727	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	173.561.922.926	194.183.399.442
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	195.464.591.706	315.821.580.222
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25.288.486.875	23.693.633.042
II. Nợ dài hạn	330	32.634.694.418	32.115.702.452
1. Phải trả dài hạn khác	337	1.273.495.800	742.964.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	31.361.198.618	31.372.738.452
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	1.520.644.894.429	1.446.135.166.042
I. Vốn chủ sở hữu	410	1.520.644.894.429	1.446.135.166.042
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A	175.869.880.000	175.869.880.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	331.245.527.850	331.245.527.850
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	7.958.080.000	
4. Cổ phiếu quỹ (*)	415	(50.000.000)	(50.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	553.630.432.503	509.428.844.839
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	358.190.126.068	339.877.961.131
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A	162.073.439.403	117.227.833.537
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B	196.116.686.665	222.650.127.594
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	429	93.800.848.008	89.762.952.222
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)	440	2.153.983.166.868	2.221.164.892.672

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Người lập

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Như Quỳnh



Phan, Thế Tý



Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý này		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.020.676.333.537	808.753.972.872	2.595.431.139.222	2.206.476.770.842
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	51.609.329.997	28.358.439.353	146.734.871.264	170.999.979.496
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	969.067.003.540	780.395.533.519	2.448.696.267.958	2.035.476.791.346
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	675.754.997.588	524.601.394.296	1.721.854.359.311	1.400.798.894.435
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	293.312.005.952	255.794.139.223	726.841.908.647	634.677.896.911
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	3.864.006.473	3.902.604.305	19.021.593.171	14.736.850.853
22	7. Chi phí tài chính	13.515.653.669	11.232.411.459	39.599.952.400	37.653.156.001
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	4.138.394.210	3.555.866.596	17.890.185.178	19.089.991.819
25	8. Chi phí bán hàng	94.231.297.790	68.722.839.770	235.713.205.972	182.485.542.605
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	73.743.798.955	61.784.124.578	197.320.424.073	172.754.587.443
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	115.685.262.011	117.957.367.721	273.229.919.373	256.521.461.715
31	11. Thu nhập khác	705.668.519	11.622.782.177	1.472.494.620	13.048.543.014
32	12. Chi phí khác	-435.595.337	2.223.681.993	2.933.191.817	2.816.911.382
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	1.141.263.856	9.399.100.184	(1.460.697.197)	10.231.631.632
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	116.826.525.867	127.356.467.905	271.769.222.176	266.753.093.347
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.987.991.717	20.700.673.680	49.531.864.970	37.676.154.460
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(4.621.757.239)	(2.001.250.221)	(3.227.145.046)	(1.051.574.335)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	93.460.291.389	108.657.044.446	225.464.502.252	230.128.513.222

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Quý này		Lũy kế	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	90.375.538.884	105.205.308.254	217.835.759.109	223.527.738.594
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.084.752.505	3.451.736.192	7.628.743.143	6.600.774.628
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.282	5.986	11.491	11.389
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.282	5.986	11.491	11.389

Người lập



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng



Phan Thế Tỷ

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ			
	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận trước thuế		271.769.222.176	266.753.093.347
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
2	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		78.162.384.858	74.046.710.337
3	Dự phòng /(hoàn nhập dự phòng)		1.734.552.164	(7.464.442.565)
4	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(862.099.200)	(1.648.771.670)
5	Lãi từ hoạt động đầu tư		(13.532.835.541)	(23.201.971.389)
6	Chi phí lãi vay		17.890.185.178	19.089.991.819
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		355.161.409.635	327.574.609.879
9	Tăng các khoản phải thu		(78.139.183.959)	13.637.438.716
10	Tăng hàng tồn kho		(115.978.684.249)	33.251.827.822
11	Tăng các khoản phải trả		(42.652.871.201)	(11.945.270.782)
12	Tăng chi phí trả trước		4.948.926.400	(5.492.779.513)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh			
14	Tiền lãi vay đã trả		(18.069.825.669)	(17.346.809.162)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(53.112.541.690)	(18.281.349.150)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(48.166.750.074)	(70.322.889.085)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.990.479.193	251.074.778.725
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ			
	HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(91.790.904.561)	(56.304.017.241)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		6.275.969.843	12.007.689.553
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(162.000.000.000)
24	Tiền thu hồi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		63.000.000.000	8.800.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.085.936.428	10.718.872.039
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.428.998.290)	(186.777.455.649)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ			
	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		1.059.542.604.150	838.911.474.898
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.177.666.307.808)	(744.088.474.118)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(73.122.284.310)	(90.061.523.625)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(191.245.987.968)	4.761.477.155
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(200.684.507.065)	69.058.800.231
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		478.493.214.743	407.897.570.630
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		862.099.200	1.536.843.882
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		278.670.806.878	478.493.214.743

Người lập

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế Toán Trưởng

Phan Thế Tỷ

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029/QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 14 với mã số 0101449271 ngày cấp 18/05/2021.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng

5. Cấu trúc doanh nghiệp

➤ Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Danh sách các đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc

Địa chỉ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, TT Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương	Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
Văn phòng đại diện tại tỉnh Udonxay.	Nước CHXDND Lào

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các công ty con như sau:

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội (*)	53,80%	53,80%	Phường Lãm, Hà Nội	Phú Đông, Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Xã Điện Thắng Bắc, Thị xã Điện Bàn, Quảng Nam	Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
4	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam (*)	80,73%	83,74%	Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất máy nông nghiệp, lâm nghiệp; máy CB thực phẩm, đồ uống; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị.
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
6	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam (**)	98,92%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Chế biến nông sản và hạt giống cây trồng
7	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (***)	98,92%	100%	Huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất và KD nông sản

- (*) Công ty Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội được đổi tên từ Công ty CP Giống cây trồng Hà Tây, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 15 tháng 04 năm 2024.
- (**) Công ty nắm giữ công ty con này gián tiếp qua một công ty con khác của Công ty là Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam đã ngừng hoạt động và đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục phá sản doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.
- (***) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (****) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm giữ gián tiếp qua công ty con Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam.
- Tại ngày 31/12/2024 tổng số cán bộ nhân viên Công ty và Công ty con là 675 người.

➤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Trần Kim Liên	- Chủ tịch
Bà Lê Thị Lệ Hằng	- Phó chủ tịch, thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Trà My	- Thành viên
Ông Nguyễn Quang Trường	- Thành viên, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	- Thành viên độc lập
Ông Trần Đình Long	- Thành viên độc lập

➤ BAN KIỂM SOÁT

Ông Nguyễn Anh Tuấn	- Trưởng ban
Ông Đỗ Tiến Sỹ	- Thành viên
Ông Lương Ngọc Thái	- Thành viên

➤ BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Quang Trường	- Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	- Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đình Trung	- Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	- Phó Tổng giám đốc

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

1. Kỳ kế toán năm của Công ty được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng : Chế độ kế toán doanh nghiệp năm 2014 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. Báo cáo tài chính Hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam : Báo cáo tài chính được lập bằng Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán : USD, CNY, LAK.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền : theo lãi suất ngân hàng nhà nước.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền
Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

a. Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

+ Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

+ Các khoản đầu tư đã được công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.

+ Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

d. Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

đ. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

e. Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

➤ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

➤ Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

➤ Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

➤ Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản cố định:

Thời gian (năm)

Tài sản cố định hữu hình

Máy móc và trang thiết bị	5 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 15
Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 25

Tài sản cố định vô hình

Bản quyền, bằng sáng chế	2 - 8
Phần mềm máy tính	5 - 6
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần trong thời gian được ước tính hợp lý kể từ khi phát sinh, tối đa không quá 3 năm.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận theo giá gốc

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi có đủ điều kiện theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi công ty được thanh toán tiền trước khi thực hiện công việc để kiếm được doanh thu đó. Doanh thu chưa thực hiện chính là khoản nợ phải trả của công ty cho khách hàng do đã nhận tiền của khách hàng nhưng chưa cung cấp hàng hóa hay dịch vụ cho khách hàng.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

17. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp khi được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc nghiên cứu sản phẩm mới, mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng cho công nhân viên, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao hoặc dịch vụ đã được cung cấp cho người mua và Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá và được khách hàng chấp nhận thanh toán. Đồng thời xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi lợi ích kinh tế hoặc liên quan đến hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng hoặc được ghi nhận theo lãi suất quy định trong hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thực hiện.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

19. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

20. Nguyên tắc giá vốn hàng bán

Ghi nhận giá vốn hàng bán tuân thủ nguyên tắc phù hợp, nguyên tắc nhất quán.

21. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện. dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm. Trong đó chi phí lãi tiền vay bao gồm lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn và dài hạn của Công ty.

Chi phí lãi vay được ghi nhận theo số lãi vay thực tế phải trả được xác định trên cơ sở nợ gốc, lãi suất vay và thời gian vay trong năm.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp.

23. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

➤ **Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu. thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty là doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo Giấy chứng nhận số 03/DNKHCN của Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 3 năm 2011. Căn cứ Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 07 năm 2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN; căn cứ Nghị Định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về Doanh nghiệp Khoa học và Công nghệ "Thu nhập của doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và công nghệ. Điều kiện có doanh thu từ việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu.

Theo điểm a, khoản 1, điều 3 của Thông tư Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2021 của Bộ Tài Chính "HƯỚNG DẪN VỀ MIỄN THUẾ, GIẢM THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2019/NĐ-CP NGÀY 01/02/2019 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ", năm 2023 là năm thứ 13 Công ty đáp ứng được điều kiện trên và là năm cuối cùng công ty được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN.

Năm 2024 công ty áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%.

➤ **Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):**

Sản phẩm giống cây trồng do Công ty sản xuất. kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Đối với các dịch vụ khác thuế suất thuế GTGT: 5%, 10%

➤ **Các loại thuế, phí, lệ phí khác:** được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán Chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

25. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ **Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam; Công ty cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

phần Giống cây trồng Miền Nam và Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

- Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

- Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.
- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.
- Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	3.196.315.214	4.046.955.057
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	259.974.491.664	355.146.259.686
Các khoản tương đương tiền	15.500.000.000	119.300.000.000
Cộng	278.670.806.878	478.493.214.743

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	2.027.221.918	60.000.000.000
Cộng	2.027.221.918	60.000.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
➢ Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội (i)(ii)	1.101.888	53.80%	306.080	53.80%
Công ty CP cây trồng Trung Ương Quảng Nam (i)	450.100	90.02%	450.100	90.02%
Công ty Cổ phần giống cây trồng Miền Nam	12.794.862	96.41%	12.794.862	96.41%
Công ty cổ phần đầu tư và PTNT nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam	4.700.000	94.00%	4.700.000	94.00%
Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam		70%		70%
➢ Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty cổ phần Tập đoàn Thai Binh Seed (ii)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

(i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

(ii) Trong tháng 4 năm 2024 Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ bằng quỹ đầu tư phát triển, lượng cổ phiếu sở hữu của Công ty tăng, tỷ lệ sở hữu không thay đổi.

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

	31/12/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed	26.061.735.380			26.061.735.380		

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Phải thu khách hàng:		
Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DVTM Tổng hợp Vincommerce	49.097.244.273	35.158.991.532
Phải thu khách hàng khác	224.928.207.237	186.576.498.828
Cộng	274.025.451.510	221.735.490.360
Dự phòng phải thu khó đòi	(1.743.578.028)	(1.776.514.666)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Trả trước cho nhà thầu	2.055.675.014	3.301.814.100
CÔNG TY TNHH MTV CƠ ĐIỆN VÀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HTG	445.797.391	
CÔNG TY TNHH NỘI THẤT XÂY DỰNG ZEN-D	537.779.623	
Công ty CP M&E Đông Dương	668.690.000	
Trả trước cho nhà thầu khác	403.408.000	3.301.814.100
Trả trước cho các người bán	50.843.768.020	34.018.686.115
Công ty cà phê 721		3.930.000.000
Công ty TNHH MTV Huỳnh Dư Trần Văn Cư	1.663.200.000	
	4.409.479.575	
Trả trước cho nhà cung cấp khác	44.771.088.445	30.088.686.115
Cộng	52.899.443.034	37.320.500.215

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	1.775.843.834		2.384.617.737	
Tạm ứng cho nhân viên	2.080.211.943		8.473.340.725	
BHXH, KPCĐ	328.449.461			
Thủ lao HDQT, BKS	3.676.935.450		1.501.560.259	
Khoản 01	251.110.928			
Chi phí giải phóng mặt bằng	2.114.960.000			
Phải thu khác	10.286.314.158		8.884.105.592	
Cộng	20.513.825.774		21.243.624.313	

6. Nợ xấu

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
Khách hàng khác	1.743.578.028		1.776.514.666	
Cộng	1.743.578.028		1.776.514.666	

7. Hàng tồn kho

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	80.001.744.621	1.877.039.879	70.870.465.280	1.830.510.395
Công cụ, dụng cụ	1.992.846.139		2.064.535.447	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.279.556.347		6.104.966.010	
Thành phẩm	471.430.476.019	6.392.910.411	365.439.808.792	5.700.987.873
Hàng hoá	3.269.108.935	41.269.352	1.515.272.302	309.904.422
Cộng	561.973.732.061	8.311.219.642	445.995.047.831	7.841.402.690

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Tổng số chi phí XDCCB dở dang, trong đó:		
Dự án Phương Mai	2.921.000.000	1.019.394.700
Chi phí cải tạo và sửa chữa	2.219.375.124	3.292.663.830
Chi phí phát triển các phần mềm	1.381.009.000	2.219.375.124
Dự án khác	4.058.691.458	1.201.812.591
Cộng	10.580.075.582	7.733.246.245

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	533.490.482.130	322.298.301.678	52.882.826.005	7.461.043.436	7.381.869.938	923.514.523.187
Tăng trong năm	37.749.742.592	26.143.591.059	12.283.423.288	218.970.020	1.709.835.277	78.105.562.236
Thanh lý						-
Phân loại lại						-
Tăng/giảm khác	(742.410.791)	(1.402.340.020)	(1.637.837.181)	(56.943.647)	-	(3.839.531.639)
Số dư cuối năm	570.497.813.931	347.039.552.717	63.528.412.112	7.623.069.809	9.091.705.215	997.780.553.784
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	195.461.867.996	157.708.474.792	36.210.399.773	5.475.421.881	5.481.442.681	400.337.607.123
Khấu hao trong năm	23.553.570.002	24.737.142.632	4.003.972.762	178.727.383	693.974.928	53.167.387.707
Thanh lý						-
Phân loại lại						-
Tăng/giảm khác	(742.410.791)	(157.592.000)	(1.637.837.181)	(56.943.647)	-	(2.594.783.619)
Số dư cuối năm	218.273.027.207	182.288.025.424	38.576.535.354	5.597.205.617	6.175.417.609	450.910.211.211
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	338.028.614.134	164.589.826.886	16.672.426.232	1.985.621.555	1.900.427.257	523.176.916.064
Số dư cuối năm	352.224.786.724	164.751.527.293	24.951.876.758	2.025.864.192	2.916.287.606	546.870.342.573
IV. Tài sản hết giá trị khấu hao vẫn sử dụng	78.097.321.943	69.725.346.488	23.417.944.997	5.237.046.717	927.743.042	177.405.403.187

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nội dung	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	67.644.953.560	25.837.850.000	10.255.950.824	4.654.560.920	264.407.935.393
Tăng trong năm			6.206.649.950	-		6.206.649.950
Thanh lý						-
Phan loại lại						-
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.644.953.560	32.044.499.950	10.255.950.824	4.654.560.920	270.614.585.343
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		22.141.327.734	16.922.476.160	4.071.026.201	1.507.066.443	44.641.896.538
Khấu hao trong năm		487.603.872	2.308.939.707	1.949.719.830	308.224.197	5.054.487.606
Thanh lý		-	-	-	-	-
Phan loại lại		-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	22.628.931.606	19.231.415.867	6.020.746.031	1.815.290.640	49.696.384.144
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	45.503.625.826	8.915.373.840	6.184.924.623	3.147.494.477	219.766.038.855
Số dư cuối năm	156.014.620.089	45.016.021.954	12.813.084.083	4.235.204.793	2.839.270.280	220.918.201.199
IV. Tài sản hết giá trị khấu hao vẫn sử dụng		1.629.311.770	10.930.350.000	3.085.150.824		15.644.812.594

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa,
vật kiến trúc

Nguyên giá:

Số đầu năm

13.350.617.119

Tăng trong năm

1.457.744.028

Số cuối năm

14.808.361.147

Trong đó:

Đã khấu hao hết

1.985.661.793

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm

2.766.596.003

Tăng trong năm

1.209.465.870

Số cuối năm

3.976.061.873

Giá trị còn lại:

Số đầu năm

10.584.021.116

Số cuối năm

10.832.299.274

12. Chi phí trả trước

31/12/2024
(VND)

01/01/2024
(VND)

a. Ngắn hạn

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
xuất dùng

1.426.165.657

4.033.875.717

Chi phí sửa chữa, cải tạo

553.067.154

1.164.826.302

Chi phí chờ phân bổ

200.058.676

Khác

455.095.509

625.856.837

Cộng

2.634.386.996

5.824.558.856

b. Chi phí dài hạn

Chi phí sửa chữa, cải tạo

2.984.622.444

4.915.827.213

Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng

8.923.354.102

11.200.336.362

Chi phí hợp tác đầu tư

5.662.922.550

6.048.357.072

Công cụ, dụng cụ

4.605.976.640

4.250.587.822

Tiền thuê đất

3.915.640.050

3.915.640.050

Khác

3.174.611.064

669.982.532

Cộng

29.267.126.850

31.000.731.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Lợi thế thương mại tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao				
Số dư đầu năm	231.748.994.837	26.557.087.281	1.860.599.201	203.331.308.355
Tăng trong năm	23.288.270.651		50.406.844	23.237.863.807
Số dư cuối năm	255.037.265.488	26.557.087.281	1.911.006.045	226.569.172.162
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	29.097.736.609	-	50.406.844	29.047.329.765
Tại ngày cuối năm	5.809.465.958	-	-	5.809.465.958

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	195.464.591.706	195.464.591.706	1.057.309.319.292	1.177.666.307.808	315.821.580.222	315.821.580.222
Vay ngân hàng ngắn hạn	195.464.591.706	195.464.591.706	1.057.309.319.292	1.177.666.307.808	315.821.580.222	315.821.580.222
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	195.464.591.706	195.464.591.706	1.057.309.319.292	1.177.666.307.808	315.821.580.222	315.821.580.222

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Công ty vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	86.694.630.684	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Cổ phiếu của SSC
Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Phạm Hùng	42.876.497.586	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng Standard Chartered	2.029.139.359	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tiền gửi
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM - CN SÀI GÒN	23.170.608.010	Công ty CP T GCT Miền Nam	Tín chấp
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long	40.693.716.067	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam	Tín chấp
TỔNG CỘNG	195.464.591.706		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Phải trả nhà thầu	1.347.753.248	1.347.753.248	6.872.063.151	6.872.063.151
Phải trả người bán	119.990.532.558	119.990.532.558	121.847.553.848	121.847.553.848
- Công ty TNHH Giống cây trồng Vạn Xuyên- Trung Quốc	65.078.509.292	65.078.509.292	56.193.090.514	56.193.090.514
- Phải trả người bán khác	54.912.023.266	54.912.023.266	65.654.463.334	65.654.463.334
b Phải trả dài hạn			-	-
Cộng	121.338.285.806	121.338.285.806	128.719.616.999	128.719.616.999

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Asia-Foods	1.540.893.491	
Phạm Ngọc Minh	2.730.715.000	2.389.448.000
Người mua trả tiền trước	15.384.976.837	12.703.751.607
CỘNG	19.656.585.328	15.093.199.607

17. Chi phí phải trả

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	14.637.945.284	20.144.933.061
Chi phí lãi vay	101.095.890	
Chiết khấu khuyến mại, thanh toán	-	545.193.196
Chi phí mua bản quyền	1.334.365.100	1.100.920.600
Chi phí tiền thuê đất	-	10.651.651.441
Chi phí phải trả khác	13.202.484.294	7.847.167.824
b Phải trả dài hạn	32.634.694.418	32.115.702.452
Phải trả dài hạn khác	1.273.495.800	742.964.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.361.198.618	31.372.738.452

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	(2.155.515.315)	10.603.254.387	14.454.671.397	(6.006.932.325)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.393.667.462	50.511.337.039	53.112.541.690	19.792.462.811
Thuế thu nhập cá nhân	(2.378.916.384)	18.718.039.252	18.038.750.221	(1.699.627.353)
Thuế khác	739.957.695	12.582.582.665	12.941.153.812	381.386.548
TỔNG CỘNG	18.599.193.458	92.415.213.343	98.547.117.120	12.467.289.681
Trong đó				
Thuế thu trả trước	(5.021.337.395)			(9.153.747.424)
Thuế phải nộp	23.620.530.853			21.621.037.105

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Phải trả khác

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Cổ tức phải trả	39.066.759.375	36.129.916.685
Lãi vay phải trả	791.870.154	
Tiền trợ cấp mất việc làm và phải trả CBCNV đã nộp thuế	11.971.547.512	16.625.372.602
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Dự án	-	
Phải trả CKTM, HTVC, thưởng cho khách hàng	13.196.067.913	24.672.133.288
CTY CỔ PHẦN DAEWON CANTAVIL	23.816.250.000	23.816.250.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL	76.183.750.000	76.183.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.495.677.972	13.715.976.867
Cộng	173.561.922.926	194.183.399.442

20. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Doanh thu nhận trước ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước dài hạn	1.273.495.800	742.964.000
Cộng	1.273.495.800	1.273.495.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu:

ĐVT: VND

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	175.869.880.000		331.245.527.850	(50.000.000)	463.019.466.983	294.659.665.467	86.513.810.199	1.351.258.350.499
Lợi nhuận trong năm						223.527.738.594	6.600.771.628	230.128.510.222
Phân bổ vào các quỹ					77.436.168.281	(77.436.168.225)		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi								
Thù lao hội đồng quản trị năm 2022						(26.906.720.324)	(685.726.013)	(27.592.446.337)
Thù lao hội đồng quản trị năm 2023						(2.191.999.995)	(372.454.592)	(2.564.454.587)
Sử dụng quỹ						(1.093.611.000)		(1.093.611.000)
Chia cổ tức					(31.026.790.425)			(31.026.790.369)
Tăng/Giam khác						(70.298.064.000)	(2.293.449.000)	(72.591.513.000)
Số dư cuối năm	175.869.880.000		331.245.527.850	(50.000.000)	509.428.844.839	339.877.961.131	89.762.952.222	1.446.135.166.042

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000		331.245.527.850	(50.000.000)	509.428.844.839	339.877.961.131	89.762.952.222	1.446.135.166.042
Lợi nhuận trong năm						217.835.759.109	7.628.743.143	225.464.502.252
Phân bổ vào các quỹ								
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi					81.164.985.732	(81.164.985.732)		
Chia cổ tức						(40.040.712.338)	(750.920.615)	(40.791.632.953)
Thù lao hội đồng quản trị						(70.298.064.000)	(2.219.199.000)	(72.517.263.000)
Chi cổ tức bằng cổ phiếu						(4.871.742.158)	(463.632.357)	(5.335.374.515)
		7.958.080.000			(7.023.803.868)	(934.276.132)		
Sử dụng quỹ					(29.939.594.200)			(29.939.594.200)
Tăng/Giam khác						(2.213.813.812)	(157.095.385)	(2.370.909.197)
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	553.630.432.503	358.190.126.068	93.800.848.008	1.520.644.894.429

-Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	35.082.810.000	35.082.810.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

d. Cổ phiếu

	Năm nay (VND)	Năm trước (VND)
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu được mua lại phổ thông		
+ Số lượng cổ phiếu trả cổ tức trong năm		
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	40%	40%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**f. Quỹ đầu tư phát triển**

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Số dư đầu năm	509.428.844.839	463.019.466.983
Trích lập trong năm	81.164.985.732	77.436.168.281
Sử dụng trong năm	36.963.398.068	31.026.790.425
Số dư cuối năm	553.630.432.503	509.428.844.839

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để phục vụ cho nghiên cứu, tái sản xuất, mở rộng kinh doanh.

7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	105.437.845.219	134.472.641.999
c, Ngoại tệ các loại:	-	
- Đô la Mỹ (USD)	1.137.404,70	314.199,26
- Euro (EURO)	11.660,15	47.468,34
- Nhân dân tệ (CNY)	80.316,21	80.316,21
d, Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.933.184	10.716.972.907

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các

khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị tính : VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Doanh thu bán hàng	2.569.874.246.759	2.192.796.757.887
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.556.892.463	13.680.012.955
Cộng	2.595.431.139.222	2.206.476.770.842

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chiết khấu thương mại	43.288.835.743	50.663.850.931
Giảm giá hàng bán	1.101.945.334	945.338.400
Hàng bán bị trả lại	102.344.090.187	119.390.790.165
Cộng	146.734.871.264	170.999.979.496

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.722.324.176.263	1.405.883.207.615
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho thuần	(469.816.952)	(5.084.313.180)
Cộng	1.721.854.359.311	1.400.798.894.435

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.928.612.038	2.701.763.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.941.260.000	1.941.260.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.598.384.717	9.806.760.428
Doanh thu hoạt động tài chính khác	553.336.416	287.066.708
Cộng	19.021.593.171	14.736.850.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí lãi vay	17.890.185.178	19.089.991.819
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.971.949.553	
Chiết khấu thanh toán	19.737.817.669	17.866.458.999
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	696.705.183
Cộng	39.599.952.400	37.653.156.001

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
a. Chi phí bán hàng	235.713.205.972	182.485.542.605
Chi phí nhân viên	39.310.467.081	39.507.533.865
Chi phí mua ngoài	69.430.551.566	36.852.783.291
Chi phí khấu hao	6.397.980.157	11.650.655.924
Các khoản chi phí bán hàng khác	120.574.207.168	94.474.569.525
b. Chi phí quản lý	197.320.424.073	172.754.587.443
Chi phí nhân viên	85.829.631.266	79.041.798.613
Chi phí khấu hao	13.739.899.253	13.875.419.005
Các khoản chi phí QLDN khác	74.462.622.900	56.408.405.408
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	23.288.270.654	23.428.964.417

7. Lợi nhuận khác

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Thu nhập khác	1.472.494.620	13.048.543.014
Thu nhập từ bồi thường	135.682.403	
Thu nhập từ thanh lý tài sản	355.700.000	11.453.950.961
Thu nhập khác	981.112.217	1.594.592.053
Chi phí khác	2.933.191.817	2.816.911.382
Chi phí phạt	-	
Chi phí khác	2.933.191.817	2.816.911.382
Cộng	(1.460.697.197)	10.231.631.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	1.747.959.878.792	1.294.811.764.661
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.638.927.106	143.590.588.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.021.065.814	74.046.710.337
Chi phí bằng tiền khác	178.013.617.798	146.732.884.485
	95.889.574.362	64.992.557.933
Cộng	2.260.523.063.872	1.724.174.506.266

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đơn vị tính : VND

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	49.531.864.970	37.676.154.460
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	(3.227.145.046)	(1.051.574.335)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2023 (trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	217.835.759.109	223.527.738.594
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS	(15.885.604.442)	(23.371.996.885)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	201.950.154.667	200.155.741.709
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	11.491	11.389

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.059.542.604.150	838.911.474.898
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

ĐVT : VND

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.177.666.307.808	744.088.474.118
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Lợi nhuận sau thuế**

	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
Lợi nhuận sau thuế	93.460.291.389	108.657.044.446
Cộng	93.460.291.389	108.657.044.446

ĐVT : VND

Lợi nhuận sau thuế quý 4 năm 2024 tăng bằng 86,01% so với quý 4 năm 2024, nguyên nhân năm 2023, công ty con công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam có chuyển nhượng tài sản ghi nhận thu nhập khác và năm 2024 là năm công ty hết thời gian ưu đãi thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

2. Các giao dịch với các bên liên quan

2.1. Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ như sau:

<i>STT</i>	<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con
7	Công ty Cổ phần Cơ khí Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	Công ty con
9	Công ty TNHH Lúa Gạo Việt Nam	Công ty con
10	Công ty TNHH Đầu tư và Xuất Nhập khẩu Nông sản Việt Nam	Công ty con

2.2. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ</i>
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Phạm Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

		Đơn vị tính: VND	
		Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghệp vụ</i>	
	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố	56.314.828.000
Công ty Cổ phần PAN FARM		Cổ tức đã trả	56.314.828.000
		Cho vay	100.000.000.000
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Lãi cho vay	5.013.698.628
		Bán hàng	413.768.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	560.535.000
	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng	191.149.313

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

		Ngày 31/12/2024	Ngày 31/12/2023
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nghệp vụ</i>	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Phải trả cổ tức	28.157.414.000
			28.157.414.000
Phải thu			
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Phải thu về cho vay	100.000.000.000
			100.000.000.000
	Công ty mẹ tối cao	Phải thu lãi cho vay	1.671.332.876
			2.035.616.438

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm:

Đơn vị tính : VND

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		1.500.000.000	1.423.611.111
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	250.000.000	250.000.000
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT độc lập	250.000.000	250.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên HĐQT	250.000.000	250.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT độc lập	250.000.000	250.000.000
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT độc lập	250.000.000	173.611.111
Ông Nguyễn Quang Trường	Thành viên HĐQT, TGD	250.000.000	250.000.000
BAN KIỂM SOÁT		300.000.000	300.000.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát	100.000.000	100.000.000
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	100.000.000	100.000.000
Ông Lương Ngọc Thái	Thành viên Ban Kiểm soát	100.000.000	100.000.000
BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		11.147.283.936	11.704.687.710
Bà Trần Kim Liên	Chủ tịch HĐQT	1.834.000.000	2.550.000.000
Ông Nguyễn Quang Trường	Tổng Giám đốc	2.976.560.000	3.687.500.000
Các thành viên ban điều hành	Phó TGD, KTT	6.336.723.936	5.467.187.710
TỔNG CỘNG			

3. Các cam kết**Cam kết liên quan đến tiền thuê đất**

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2024 (VND)	01/01/2024 (VND)
Đến 1 năm	4.451.337.276	5.703.721.053
Trên 1 – 5 năm	12.041.726.962	8.984.709.417
Trên 5 năm	86.408.590.479	83.650.894.019
Cộng	102.901.654.717	98.339.324.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

4. Các sự kiện phát sinh sau kỳ quyết toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

5. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Phan Thế Ty

Nguyễn Quang Trường

